

ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NÓI CỦA SINH VIÊN KHOA NGÔN NGỮ & VĂN HOÁ ANH-MỸ THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN HỒNG CHUNG

TRẦN HỮU HIỂN

Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Anh - Mỹ

Bài báo cáo này sẽ đề cập đến thực trạng kiểm tra kỹ năng môn nói đối với sinh viên khoa NN & VH Anh Mỹ, trường Đại học Ngoại ngữ Hà nội. Để giúp người đọc có một cách nhìn tổng thể hơn về vấn đề này, bài viết sẽ giới thiệu qua về các dạng bài kiểm tra nói chung và những vấn đề khó khăn trong việc tổ chức và thực hiện kỳ thi vấn đáp. Bài viết cũng sẽ đề xuất những biện pháp nhằm cải tiến hơn nữa việc kiểm tra đánh giá kỹ năng giao tiếp của sinh viên để bạn đọc cùng suy ngẫm.

Các dạng bài kiểm tra ngôn ngữ

1. Achievement Test (Kiểm tra kết quả)

Loại hình kiểm tra này được sử dụng nhằm đánh giá trình độ/kỹ năng tiếng của học viên đã lĩnh hội sau một thời gian tham gia một khoá học nào đó. Sau khi kiểm tra, giáo viên sẽ đánh giá được các sinh viên của khoá học đã tiến bộ như thế nào giữa hai thời điểm: trước khi bắt đầu khoá học và tại thời điểm kiểm tra. Do đó nó chỉ kiểm tra những kỹ năng hay kiến thức mà sinh viên đã được dạy trong thời gian đó. Ví dụ để kiểm tra kết quả học tập của các học viên vào cuối học kỳ về môn nói, giáo viên ra đề cần phải xem xét các tiêu chí đã được xác định từ trước về trình độ của người học, tuổi, giáo trình học và các yếu tố khác nữa.

Loại hình kiểm tra này có thể được tiến hành sau mỗi bài, mỗi chương, giữa kỳ hay cuối kỳ. Kết quả của nó sẽ được sử dụng để (1) xếp bậc hay xếp lớp cho học viên, (2) chuẩn bị các tài liệu giảng dạy trong lớp và (3) xác định các mảng kiến thức còn yếu của sinh viên. Những kết quả này tất nhiên cũng có thể giúp cho giáo viên thấy được nhu cầu cần thay đổi cách dạy hay giáo trình, khung chương trình dạy.

2. Proficiency Tests (Kiểm tra trình độ)

Khác với loại hình kiểm tra kết quả ở phần một, kiểm tra trình độ được tiến hành để đánh giá trình độ tiếng của thí sinh tại thời điểm kiểm tra. Do đó bài kiểm tra này sẽ không tính đến việc các thí sinh trước đó đã học trong bao lâu, và học những gì. Loại hình kiểm tra này được sử dụng cho những mục đích riêng ví dụ như thi tuyển học viên cho một khoá học, thi tuyển vào một cơ quan nào đó. Một điểm khác biệt nữa là loại hình kiểm tra này kiểm tra các kỹ năng tiếng trên quy mô rộng hơn. Ngoài ra nếu như loại hình kiểm tra kết quả nói trên được sử dụng để xác định sự tiến bộ của sinh viên sau một thời gian học nhất định thì kiểm tra trình độ chỉ nhằm xác định trình độ của học viên tại một thời điểm nào đó và để phục vụ cho một mục đích nào đó. Ví dụ như các bài kiểm tra IELTS, TOEFL v.v.

3. Diagnostic Language Tests (Kiểm tra Chẩn đoán/thăm dò)

Loại hình kiểm tra này có thể được xem như là một công cụ hữu hiệu để giáo viên “chẩn đoán bệnh” của sinh viên để từ đó có các biện pháp thích hợp để “chữa chạy”. Nói cách khác kết quả của bài kiểm tra này sẽ giúp cho giáo viên nhận biết được điểm mạnh cũng như điểm yếu của sinh viên, ví dụ như học viên còn yếu về sử dụng mạo từ hay một kỹ năng nào đó trong số bốn các kỹ năng Nói Nghe Đọc Viết. Nhìn chung cả ba loại hình kiểm tra kết quả, kiểm tra trình độ và kiểm tra chẩn đoán đều có các dạng bài tập giống nhau. Sự khác biệt giữa chúng phụ thuộc chủ yếu vào mục đích sử dụng kết quả của bài thi.

4. Aptitude Tests (Kiểm tra Năng khiếu)

Mục đích của kiểm tra năng khiếu là nhằm dự đoán khả năng lĩnh hội kiến thức ngôn ngữ của đối tượng người dự thi trước khi khoá học bắt đầu. Các bài kiểm tra này cung cấp những thông tin như người học sẽ học tốt, nhanh hay chậm trong quá trình học. Nếu như các dạng kiểm tra nói trên có các kiểu bài tập giống nhau thì đối với loại hình này nội dung thi sẽ chú trọng vào những yếu tố có ảnh hưởng đến khả năng học của học viên, ví dụ khả năng bắt chước âm thanh, hay hứng thú của người học.

Một số khó khăn trong việc đánh giá kỹ năng nói

Kỹ năng nói bao gồm 5 lĩnh vực: phát âm, ngữ pháp, từ vựng, tính lưu loát và khả năng nghe hiểu. Qua các bài tập nói, giáo viên có thể không gặp nhiều khó khăn khi chấm điểm về từ vựng, ngữ pháp và khả năng nghe hiểu. Tuy nhiên, để đánh giá chính xác và công bằng khả năng ngữ âm của thí sinh là một vấn đề không hề dễ dàng. Các câu hỏi như: "Thế nào là phát âm chuẩn mực? Làm thế nào để có thể cả hai giám khảo đều thống nhất điểm của mình khi đánh giá?" Các câu hỏi này vẫn chưa có câu trả lời xác đáng vì từ trước tới nay các nhà nghiên cứu hầu như không đưa ra những chuẩn mực hay tài liệu hướng dẫn về lĩnh vực này [Heaton, 1988]. Một trở ngại nữa là giám khảo nên phân chia mức điểm như thế nào cho hợp lý đối với 5 lĩnh vực nói trên. Ví dụ như nên chú trọng vào tính lưu loát hay tính chính xác trong giao tiếp. Có trường hợp thí sinh phát âm rất chuẩn xác nhưng lại không diễn đạt được điều mình muốn nói, ngược lại có trường hợp thí sinh mắc nhiều lỗi về phát âm và ngữ pháp nhưng lại diễn đạt tốt ý của mình.

Xét về thực trạng dạy và học tại trường ĐHNN, ĐHQG Hà Nội chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy một khó khăn rất lớn trong việc tổ chức thi nói. Mỗi buổi thi, trung bình hai giám khảo cùng bàn sẽ phải phỏng vấn khoảng 20 tới 25 sinh viên. Thời gian hạn hẹp, số sinh viên đông trong khi lực lượng giáo viên coi thi rất mỏng đã làm giảm đi tính chính xác và công bằng của kỳ thi nói. Có lẽ trong tất cả các kỹ năng thực hành, kỹ năng nói sẽ khó đánh giá nhất. Trong nhiều trường hợp giám khảo sẽ chỉ hỏi "qua loa" và thường cho rằng "chỉ cần hỏi một câu là có thể biết được trình độ của thí sinh ở chừng mực nào ...".

Trong khi các kỳ thi đều phục vụ mục đích đánh giá khả năng, kiến thức của sinh viên sau một thời gian của khoá học (achievement tests), các bài tập hay chủ điểm đưa ra thường không nằm trong chương trình học của sinh viên mà chủ yếu là một số chủ điểm quen thuộc như "Discuss traffic problems in Hanoi" hay "city life versus country life" vv. Sinh viên trước mỗi kỳ thi đều có chuẩn bị trước về những chủ điểm đó, nên có nhiều trường hợp thí sinh khi được hỏi đã trả lời "liển thoắng" chủ điểm mà mình đã học thuộc lòng. Như vậy, giám khảo sẽ không thể đánh giá chính xác trình độ của thí sinh. Cách thức tiến hành bài kiểm tra nói cũng rất ảnh hưởng đến kết quả. Chúng ta hãy cùng xem xét cách thức tiến hành hai cuộc phỏng vấn khác nhau như sau:

Trong cuộc phỏng vấn thứ nhất, giám khảo hỏi ngay vào chủ đề chính, bỏ qua phần xã giao. Trong khi đang diễn ra hội thoại, giám khảo ngắt lời của thí sinh để chữa lỗi hoặc nét mặt biểu lộ sự không bằng lòng.

Ở cuộc phỏng vấn thứ hai, giám khảo cố gắng giảm sự căng thẳng bằng cách hỏi thăm về sức khoẻ vv... Trong suốt quá trình kiểm tra nói, giám khảo không ngắt lời để chữa lỗi và thường đưa ra những lời khen, động viên. Có trường hợp vì quá lo lắng, học sinh mất bình tĩnh nên không nói được, giám khảo cho thí sinh thư giãn khoảng một phút, bằng cách nhắm mắt hay tạm ra khỏi phòng thi để lấy lại bình tĩnh và sự tập trung sau đó mới tiến hành cho thi tiếp. Như vậy hai cách tiến hành thi nói khác nhau chắc hẳn sẽ mang lại các kết quả hoàn toàn khác nhau.

Một thực trạng dễ nhận thấy là trong nhiều trường hợp khi thí sinh buộc phải đặt câu hỏi về một tình huống nào đó, giám khảo thường không đưa ra những câu trả lời. Như vậy cuộc hội thoại giữa thí sinh và giám khảo trở nên rời rạc, miễn cưỡng và không liên

mạch. Thực tế trong cuộc sống hiếm có trường hợp chúng ta chỉ đặt câu hỏi mà không nhận được câu trả lời, trong khi mục đích của công tác giảng dạy là trang bị cho học viên những kỹ năng cần thiết để có thể giao tiếp một cách tự nhiên trong cuộc sống.

Việc xác định loại hình kiểm tra và mục đích của chúng cũng rất quan trọng. Rõ ràng là chúng ta thường đơn giản hoá khái niệm kiểm tra đánh giá và đồng nhất nhiều loại với nhau. Theo như cách thức tiến hành kiểm tra đánh giá, chúng ta thường theo hình thức kiểm tra trình độ (Proficiency tests) có nghĩa là không chú ý đến việc thí sinh đã học giáo trình gì và trong bao lâu mà chỉ đánh giá dựa vào cảm nhận của mình ví dụ như một thí sinh năm thứ nhất, học kỳ một cần phải đạt trình độ gì. Đây là chưa nói đến mỗi người đều có quan điểm, cảm nhận khác nhau. Trước mỗi kỳ thi, chúng ta thường không thống nhất với nhau một thang điểm chuẩn để các giám khảo có thể đánh giá một cách công bằng và chính xác hơn.

Phân kết

Bài viết này xin được kết thúc bằng việc đưa ra một vài gợi ý nhằm giúp cải tiến việc đánh giá kỹ năng nói của sinh viên.

Để đạt được tính chính xác trong đánh giá cũng như đảm bảo công bằng đối với học sinh, trước mỗi kỳ thi nói giáo viên cần thống nhất với nhau về hình thức tiến hành, và các thang điểm đánh giá. Ví dụ, khi thí sinh đặt câu hỏi theo tình huống, các giám khảo nên trả lời để cuộc hội thoại được tự nhiên và liền mạch theo đúng cách giao tiếp trong cuộc sống. Nên chỉ đưa vào bài thi những nội dung mà sinh viên đã được học và chú trọng đến những mảng kiến thức đã được giới thiệu trong chương trình học. Các đề bài kiểm tra cần có những hướng dẫn rõ ràng cho cả thí sinh lẫn giám khảo. Trong khi kiểm tra, giám khảo không nên chữa lỗi hay đưa ra những bình luận như: "That's wrong! No.. No.. !" mà chỉ nên đưa ra những gợi mở hoặc những lời động viên để giúp thí sinh diễn đạt tốt hơn. Phương châm là nên tạo mọi điều kiện có thể được để thí sinh bớt bị căng thẳng.

Trong trường hợp thí sinh bắt được câu hỏi đã được chuẩn bị trước và nói như học thuộc lòng, giám khảo cần đưa ra một vài câu hỏi mở rộng về đề tài đó để đánh giá chính xác trình độ của thí sinh.

Một vấn đề nữa cần bàn là giám khảo nên chú trọng vào độ chính xác của phát ngôn hơn hay tính lưu loát hơn? Trong khi chúng ta đang cố gắng để đưa phương pháp dạy giao tiếp vào ứng dụng và kết quả của nó cũng chưa thực sự rõ ràng, đồng thời hệ thống giáo dục nói chung cũng như chương trình học vẫn còn chú trọng nhiều đến ngữ pháp, cấu trúc hơn là tính giao tiếp, rõ ràng là chúng ta vẫn chưa có thể nghiêng về một bên nào được. Nên chăng cần phải có sự hoà đồng cả hai yếu tố trên trong công việc đánh giá.

Cuối cùng giám khảo hay những người quan tâm đến công tác đánh giá và thi cử cũng cần thống nhất với nhau một quan niệm rằng chúng ta không thể soạn ra một dạng bài thi để có thể đánh giá một cách trung thực tuyệt đối kỹ năng của sinh viên vì có nhiều yếu tố làm ảnh hưởng đến cách thể hiện của thí sinh trong mỗi kỳ thi. Chúng ta chỉ có thể nỗ lực để giảm đến mức tối đa các yếu tố đó chứ không thể loại bỏ chúng một cách hoàn toàn được.

Tài liệu tham khảo

Finocchiaro M & Sydney Sako (1983). *Foreign Language Testing: A Practical Approach*, New York: Regents Publishing Company, Inc.

Heaton, J. B (1988). *Writing English Language Tests*, New York: Longman Group UK Limited.

Holdzkorn, D. (1979). *Ideabook: A Resource Manual for Teachers of English as a Second Language*, Illinois: National Textbook Company.